

Tổng hợp kiến thức Ngữ âm Tiếng Anh Lớp 12

Ngữ âm là một phần quan trọng trong bài thi THPT Quốc gia môn Tiếng Anh, thường xuất hiện trong các câu hỏi nhận biết cách phát âm và trọng âm. Nắm vững các quy tắc dưới đây sẽ giúp bạn tự tin đạt điểm tối đa ở phần này.

Phần I: Quy tắc phát âm (Pronunciation)

1. Quy tắc phát âm đuôi -s/es

Đuôi -s/es được thêm vào sau danh từ số nhiều và động từ chia ở thì hiện tại đơn ngôi thứ ba số ít. Có 3 cách phát âm chính:

- **Quy tắc 1: Phát âm là /s/**

Công thức: Khi từ kết thúc bằng các âm vô thanh: /p/, /f/, /k/, /θ/, /t/.

Giải thích: Mẹo ghi nhớ: "**Ph**ải **f**ang **ki**ếm **th**ời **p**hong kiến". Khi gặp các âm này, đuôi -s được phát âm là /s/.

Ví dụ:

- stops /stɒps/
- laughs /lɑːfs/
- books /bʊks/
- months /mʌnθs/

- **Quy tắc 2: Phát âm là /ɪz/ (hoặc /əz/)**

Công thức: Khi từ kết thúc bằng các âm xuýt (sibilant sounds): /s/, /z/, /ʒ/,

/ʒ/, /tʃ/, /dʒ/.

Giải thích: Mẹo ghi nhớ: các từ có đuôi là **-s, -ss, -z, -sh, -ch, -x, -ge**. Khi đó, đuôi -es được phát âm là /ɪz/.

Ví dụ:

- misses /'mɪsɪz/
- washes /'wɒʃɪz/
- watches /'wɒtʃɪz/
- changes /'tʃeɪndʒɪz/

• Quy tắc 3: Phát âm là /z/

Công thức: Khi từ kết thúc bằng các nguyên âm và các phụ âm hữu thanh còn lại.

Giải thích: Đây là trường hợp phổ biến nhất, bao gồm tất cả các âm không thuộc hai quy tắc trên.

Ví dụ:

- plays /pleɪz/ (kết thúc bằng nguyên âm /eɪ/)
- goes /gəʊz/ (kết thúc bằng nguyên âm /əʊ/)
- lives /lɪvz/ (kết thúc bằng phụ âm hữu thanh /v/)
- needs /niːdz/ (kết thúc bằng phụ âm hữu thanh /d/)

2. Quy tắc phát âm đuôi -ed

Đuôi -ed được thêm vào sau động từ có quy tắc ở thì quá khứ đơn hoặc dạng quá khứ phân từ. Có 3 cách phát âm chính:

- **Quy tắc 1: Phát âm là /ɪd/ (hoặc /əd/)**

Công thức: Khi động từ kết thúc bằng âm /t/ hoặc /d/.

Giải thích: Mẹo ghi nhớ: "**Tiền Đô**".

Ví dụ:

- wanted /'wɒntɪd/
- needed /'niːdɪd/
- decided /dɪ'saɪdɪd/

- **Quy tắc 2: Phát âm là /t/**

Công thức: Khi động từ kết thúc bằng các âm vô thanh: /p/, /f/, /k/, /s/, /ʃ/, /tʃ/.

Giải thích: Mẹo ghi nhớ: "**Cho suốt phở khó phải shợ**". Lưu ý âm /f/ có thể được viết là 'gh' (laugh) hoặc 'ph' (photograph).

Ví dụ:

- stopped /stɒpt/
- laughed /lɑːft/
- washed /wɒʃt/
- watched /wɒtʃt/

- **Quy tắc 3: Phát âm là /d/**

Công thức: Khi động từ kết thúc bằng các nguyên âm và các phụ âm hữu thanh còn lại.

Giải thích: Đây là trường hợp còn lại, không thuộc hai quy tắc trên.

Ví dụ:

- played /pleɪd/
- loved /lʌvd/
- opened /'əʊpənd/

Lưu ý đặc biệt: Một số tính từ có đuôi -ed được phát âm là /ɪd/ dù không theo quy tắc trên. Ví dụ: aged /'eɪdʒɪd/ (già), blessed /'blesɪd/ (thiên lành), crooked /'krʊkɪd/ (cong), naked /'neɪkɪd/ (khỏa thân), learned /'lɜːnɪd/ (uỷên bác), wicked /'wɪkɪd/ (xấu xa).

Phần II: Quy tắc trọng âm (Word Stress)

Trọng âm là lực nhấn vào một âm tiết trong từ, làm cho âm tiết đó được phát âm to hơn, dài hơn và cao hơn các âm tiết khác.

1. Trọng âm với từ có 2 âm tiết

1. Danh từ và Tính từ:

Quy tắc: Hầu hết các danh từ và tính từ có 2 âm tiết có trọng âm rơi vào **âm tiết thứ nhất**.

Ví dụ:

- Danh từ: `PRESent` (món quà), `EXport` (hàng xuất khẩu), `TAbble` (cái bàn)
- Tính từ: `HAPpy` (vui vẻ), `USEful` (hữu ích), `CLEver` (thông minh)

2. Động từ:

Quy tắc: Hầu hết các động từ có 2 âm tiết có trọng âm rơi vào **âm tiết thứ**

hai.

Ví dụ:

- `preSENT` (thuyết trình), `exPORT` (xuất khẩu), `deCIDE` (quyết định)
- `beGIN` (bắt đầu), `forGET` (quên)

3. Từ vừa là danh từ/tính từ, vừa là động từ:

Quy tắc: Trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất nếu là danh từ/tính từ, và âm tiết thứ hai nếu là động từ.

Ví dụ:

- `REcord` (n) - bản ghi âm vs. `reCORD` (v) - ghi âm
- `OBject` (n) - vật thể vs. `obJECT` (v) - phản đối
- `PERfect` (adj) - hoàn hảo vs. `perFECT` (v) - hoàn thiện

4. Ngoại lệ: Một số từ không theo quy tắc trên. Ví dụ: `hoTEL`, `poLICE`, `caREER` (trọng âm 2), `ANswer` (v), `VISit` (v) (trọng âm 1).

2. Trọng âm với từ có 3 âm tiết trở lên

- **Quy tắc hậu tố (Suffixes):** Trọng âm thường bị ảnh hưởng bởi các hậu tố.

Loại hậu tố	Quy tắc	Ví dụ
Hậu tố tự nhận trọng âm <i>-ee, -eer, -ese, -ette, -oo, -oon, -ique</i>	Trọng âm rơi vào chính hậu tố đó.	`agreE`, `volunTEER`, `VietnaMESE`, `cigaRETTE`, `bamBOO`, `uNIQUE`
Hậu tố làm trọng âm rơi vào âm tiết ngay trước nó <i>-ion, -tion, -sion, -ic, -ical, -ial, -ian, -ity, -ify, -graphy, -logy</i>	Trọng âm rơi vào âm tiết liền trước hậu tố.	`inforMAtion`, `ecoNOMic`, `poLItical`, `esSEntial`, `aBILity`, `geOGraphy`
Hậu tố làm trọng âm dịch chuyển 3 âm từ cuối lên <i>-y, -ce, -ate, -ise/-ize, -ism, -ist</i>	Trọng âm rơi vào âm tiết thứ ba tính từ cuối.	`geOLogy`, `DEMOcracy`, `CRIticise`, `CAPitalism`

Loại hậu tố	Quy tắc	Ví dụ
Hậu tố không ảnh hưởng đến trọng âm <i>-able, -ible, -ful, -less, -ing, -er, -or, -ist, -ment, -ness, -ship, -ly</i>	Trọng âm của từ gốc được giữ nguyên.	`COMfort` → `COMfortable` `deVELop` → `deVELoping` `GOVern` → `GOVernment`

• Quy tắc tiền tố (Prefixes):

Quy tắc: Tiền tố thường không nhận trọng âm. Trọng âm rơi vào từ gốc.

Ví dụ: `unHAPPY`, `imPOSSible`, `disaGREE`, `reWRITE`.

3. Trọng âm với từ ghép (Compound Words)

1. Danh từ ghép (Compound Nouns):

Quy tắc: Trọng âm thường rơi vào **phần đầu tiên**.

Ví dụ:

- `BLACKboard` (bảng đen)
- `GREENhouse` (nhà kính)
- `FOOTball` (bóng đá)

2. Tính từ ghép (Compound Adjectives):

Quy tắc: Trọng âm thường rơi vào **phần thứ hai**.

Ví dụ:

- `well-BEHAVED` (ngoan ngoãn)
- `old-FASHioned` (lỗi thời)
- `hard-WORKing` (chăm chỉ)

3. Động từ ghép (Compound Verbs):

Quy tắc: Trọng âm thường rơi vào **phần thứ hai**.

Ví dụ:

- `underSTAND` (hiểu)
- `overCOME` (vượt qua)
- `outPERFORM` (làm tốt hơn)

Kết luận

Nắm vững các quy tắc phát âm và trọng âm này là chìa khóa để làm tốt các câu hỏi ngữ âm trong đề thi. Bên cạnh việc học thuộc quy tắc, hãy luyện tập thường xuyên bằng cách nghe và lặp lại từ, cũng như làm các bài tập nhận diện để ghi nhớ kiến thức một cách hiệu quả nhất.